



KPMG'S COPY



Công ty Cổ phần Dược Danapha

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký

Kinh doanh số	3203001246	ngày 20 tháng 12 năm 2006
	0400102091	ngày 14 tháng 9 năm 2010
	0400102091	ngày 17 tháng 5 năm 2011
	0400102091	ngày 6 tháng 11 năm 2013
	0400102091	ngày 8 tháng 5 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký

Doanh nghiệp số	0400102091	ngày 25 tháng 8 năm 2015
	0400102091	ngày 9 tháng 5 năm 2017

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Trị	Chủ tịch
Ông Mai Đăng Đầu	Thành viên
Ông Phạm Khắc Hà	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Vạn Thọ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Liên Hoa	Thành viên
Ông Lại Tiến Mạnh	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Sơn	Thành viên
Ông Trương Công Trị	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Trị	Tổng Giám đốc
Ông Mai Đăng Đầu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Chí Toàn	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

253 Dũng Sĩ Thanh Khê
Quận Thanh Khê
Thành phố Đà Nẵng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Danapha (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 37 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Quang Trí
Tổng Giám đốc

Thành phố Đà Nẵng, ngày 14 tháng 8 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Dược Danapha

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Dược Danapha (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 37.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Danapha tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Chúng tôi lưu ý rằng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và các thuyết minh liên quan không được soát xét bởi chúng tôi và theo đó, chúng tôi không đưa ra kết luận đối với những thông tin này.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam
Báo cáo soát xét số: 17-01-269



Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		460.863.495.747	453.539.467.112
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	17.120.834.112	58.607.172.757
Tiền	111		15.816.020.501	28.607.172.757
Các khoản tương đương tiền	112		1.304.813.611	30.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		304.141.624.890	282.274.861.379
Phải thu khách hàng	131	6	257.478.054.323	255.452.359.793
Trả trước cho người bán	132		49.299.140.359	31.522.680.312
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	3.441.866.634	1.377.257.700
Dự phòng phải thu khó đòi	137	8	(6.077.436.426)	(6.077.436.426)
Hàng tồn kho	140	9	127.004.535.043	105.865.575.682
Hàng tồn kho	141		128.893.430.400	107.754.471.039
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.888.895.357)	(1.888.895.357)
Tài sản ngắn hạn khác	150		12.596.501.702	6.791.857.294
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.240.001.033	6.435.695.459
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		356.500.669	356.161.835

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược Danapha

Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		195.804.239.546	180.578.339.210
Các khoản phải thu dài hạn	210		6.500.000.000	6.500.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		6.500.000.000	6.500.000.000
Tài sản cố định	220		155.162.275.438	117.802.101.009
Tài sản cố định hữu hình	221	10	112.612.023.905	75.764.849.476
Nguyên giá	222		250.403.415.602	206.507.953.155
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(137.791.391.697)	(130.743.103.679)
Tài sản cố định vô hình	227	11	42.550.251.533	42.037.251.533
Nguyên giá	228		42.550.251.533	42.037.251.533
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.555.007.221	23.916.227.781
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	1.555.007.221	23.916.227.781
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	14.668.750.260	16.243.750.260
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		8.820.000.000	8.820.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.800.000.000	8.375.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(951.249.740)	(951.249.740)
Tài sản dài hạn khác	260		17.918.206.627	16.116.260.160
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	17.918.206.627	16.116.260.160
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		656.667.735.293	634.117.806.322

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		292.183.975.996	341.154.021.309
Nợ ngắn hạn	310		276.322.720.986	314.865.749.178
Phải trả người bán	311	15	30.340.571.926	32.397.238.866
Người mua trả tiền trước	312		3.745.860.647	10.266.677.153
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	3.419.342.034	1.082.535.991
Phải trả người lao động	314		6.104.136.504	23.879.286.615
Chi phí phải trả	315	17	9.932.876.857	12.265.860.151
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	15.871.247.822	68.926.929.155
Vay ngắn hạn	320	19(a)	204.746.802.384	157.834.338.298
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	20	2.161.882.812	8.212.882.949
Nợ dài hạn	330		15.861.255.010	26.288.272.131
Vay dài hạn	338	19(b)	15.861.255.010	26.288.272.131
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		364.483.759.297	292.963.785.013
Vốn chủ sở hữu	410	21	363.811.744.084	291.954.353.632
Vốn cổ phần	411	22	130.200.000.000	97.650.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		130.200.000.000	97.650.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		87.632.500.000	81.232.500.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	113.071.853.632	113.071.853.632
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		32.907.390.452	-
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421a		32.907.390.452	-
Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430	21	672.015.213	1.009.431.381
Nguồn kinh phí	431		492.290.750	806.270.600
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		179.724.463	203.160.781
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		656.667.735.293	634.117.806.322

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Người lập:

Người duyệt:

Trương Thị Diệu Huyền
 Trưởng phòng Kế toán

Nguyễn Thị Vạn Thọ
 Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Trị
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược Danapha

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc	
		30/6/2017 VND	30/6/2016 VND (Chưa soát xét)
01	25	219.279.764.333	210.691.842.233
02	25	1.838.397.661	1.114.947.182
10	25	217.441.366.672	209.576.895.051
11	26	115.814.260.565	115.219.238.895
20		101.627.106.107	94.357.656.156
	21	1.322.548.421	1.286.332.146
	22	6.441.688.534	4.761.530.512
	23	6.399.979.544	4.640.198.565
	25	32.059.583.227	35.033.879.295
	26	23.715.053.792	20.587.936.117
30		40.733.328.975	35.260.642.378
	31	410.909.091	16.026.716
	32	10.000.000	12.134.386
40		400.909.091	3.892.330
50		41.134.238.066	35.264.534.708
51	32	8.226.847.614	5.994.970.900
60		32.907.390.452	29.269.563.808
70	33	2.370	2.615

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Người lập:

Trương Thị Diệu Huyền
Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt:

Nguyễn Thị Vạn Thọ
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Trị
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc		
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND (Chưa soát xét)	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	41.134.238.066	35.264.534.708
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	7.977.069.654	9.023.864.220
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(989.565.057)	(1.173.692.320)
Lãi do thanh lý tài sản cố định	05	(410.909.091)	-
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư dài hạn	05	(175.000.000)	-
Chi phí lãi vay	06	6.399.979.544	4.640.198.565
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	53.935.813.116	47.754.905.173
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(27.671.407.919)	(57.976.233.581)
Biến động hàng tồn kho	10	(21.138.959.361)	(12.242.598.812)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(77.986.757.795)	(1.273.033.351)
Biến động chi phí trả trước	12	(1.801.946.467)	952.444.320
		(74.663.258.426)	(22.784.516.251)
Tiền lãi vay đã trả	14	(7.452.206.930)	(6.950.000.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.566.707.489)	(5.215.268.036)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.388.416.305)	(6.849.530.454)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(94.070.589.150)	(41.799.314.741)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(22.498.865.608)	(10.291.702.676)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	410.909.091	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1.575.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	1.750.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	989.565.057	1.173.692.320
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(19.348.391.460)	(10.693.010.356)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Kỳ sáu tháng kết thúc
Mã số 30/6/2017 VND 30/6/2016 VND
(Chưa soát xét)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	38.950.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33	162.534.652.186	106.103.161.194
Tiền trả nợ gốc vay	34	(126.049.205.221)	(68.845.401.863)
Tiền chi trả cổ tức	36	(3.502.805.000)	(4.051.605.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	71.932.641.965	33.206.154.331
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(41.486.338.645)	(19.286.170.766)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	58.607.172.757	48.156.130.533
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 5)	70	17.120.834.112	28.869.959.767

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Người lập:


 Trương Thị Diệu Huyền
 Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt:


 Nguyễn Thị Vạn Thọ
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Quang Trị
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược Danapha (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3203001246 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20 tháng 12 năm 2006 từ việc cổ phần hóa Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 5.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 435 nhân viên (1/1/2017: 427 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này. Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được lần lượt quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 6 năm

(g) **Tài sản cố định vô hình**

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai (2003) mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(h) **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) **Chi phí trả trước dài hạn**

(i) **Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 35 năm.

(ii) **Chi phí nâng cấp nhà xưởng**

Chi phí nâng cấp nhà xưởng được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo đường thẳng trong vòng 2 năm.

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được trình bày theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối mỗi năm dựa trên tỷ lệ phần trăm được các cổ đông quyết định tại Đại hội cổ đông thường niên.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong kỳ.

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu khách hàng – ngắn hạn

(a) Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Danson – BG EOOD	146.765.837.666	125.840.992.183
Công ty TNHH Dược Kim Đô	16.729.491.429	20.502.703.165
Các khách hàng khác	93.982.725.228	109.108.664.445
	257.478.054.323	255.452.359.793

(b) Phải thu khách hàng là bên liên quan

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dược – Thiết bị Y tế Đà Nẵng	2.409.814.572	3.669.317.735
Công ty Cổ phần Dược Danapha – Nanosome	214.614.007	104.791.238
	2.624.428.579	3.774.108.973

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

7. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tạm ứng	2.989.592.852	981.001.693
Ký quỹ ngắn hạn	122.564.449	145.140.407
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	329.709.333	251.115.600
	3.441.866.634	1.377.257.700

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

8. Dự phòng phải thu khó đòi

	Số ngày quá hạn	30/6/2017			1/1/2017			
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Danson - BG EOOD	1 – 335	51.969.331.311	(2.793.612.409)	49.175.718.902	1 – 321	10.260.332.620	(2.793.612.409)	7.466.720.211
Công ty TNHH Dược phẩm Bất Từ Long	1.849 – 1.876	200.000.000	(200.000.000)	-	1.668 – 1.695	200.000.000	(200.000.000)	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hưng Yên – Chi nhánh Khoái Châu	1.918	148.985.733	(148.985.733)	-	1.737	148.985.733	(148.985.733)	-
Bệnh viện Tâm thần Tiền Giang	1.860 – 1.918	136.922.982	(136.922.982)	-	1.679 – 1.737	136.922.982	(136.922.982)	-
Công Ty TNHH Nhà Nước Một Thành Viên Dược - Vật Tư y tế Quảng Ngãi	1.918	109.122.583	(109.122.583)	-	1.737	109.122.583	(109.122.583)	-
Các khách hàng khác	182 – 920	4.759.637.666	(2.688.792.719)	2.070.844.947	181 – 1.827	18.556.981.162	(2.688.792.719)	15.868.188.443
		57.324.000.275	(6.077.436.426)	51.246.563.849		29.412.345.080	(6.077.436.426)	23.334.908.654

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	67.309.583.331	(725.580.393)	62.941.153.453	(725.580.393)
Công cụ và dụng cụ	143.001.588	-	60.176.847	-
Sản phẩm dở dang	9.191.980.783	-	7.182.164.119	-
Thành phẩm	51.777.258.106	(1.163.314.964)	36.917.615.417	(1.163.314.964)
Hàng hóa	471.606.592	-	653.361.203	-
	128.893.430.400	(1.888.895.357)	107.754.471.039	(1.888.895.357)

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có 1.889 triệu VND (1/1/2017: 1.889 triệu VND) hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 128.893 triệu VND (1/1/2017: Không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19(b)).

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND (Chưa soát xét)
Số dư đầu kỳ	1.888.895.357	1.378.244.659
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-	(6.366.559)
Số dư cuối kỳ	1.888.895.357	1.371.878.100

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017			
	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	77.768.852.586	118.628.778.454	10.110.322.115	206.507.953.155
Tăng trong kỳ	6.312.655.209	6.581.973.615	1.153.990.909	14.048.619.733
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dờ dang	30.775.624.350	-	-	30.775.624.350
Thanh lý	-	-	(928.781.636)	(928.781.636)
Số dư cuối kỳ	114.857.132.145	125.210.752.069	10.335.531.388	250.403.415.602
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	41.341.385.897	84.043.281.760	5.358.436.022	130.743.103.679
Khấu hao trong kỳ	2.595.785.483	4.783.648.804	597.635.367	7.977.069.654
Thanh lý	-	-	(928.781.636)	(928.781.636)
Số dư cuối kỳ	43.937.171.380	88.826.930.564	5.027.289.753	137.791.391.697
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	36.427.466.689	34.585.496.694	4.751.886.093	75.764.849.476
Số dư cuối kỳ	70.919.960.765	36.383.821.505	5.308.241.635	112.612.023.905

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản cố nguyên giá 109.093 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: VND73.795 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 40.360 triệu VND (1/1/2017: 11.554 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

	Kỳ sáu tháng kết thúc 30/6/2017 Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	42.037.251.533
Tăng trong kỳ	513.000.000
Số dư cuối kỳ	<u>42.550.251.533</u>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	42.037.251.533
Số dư cuối kỳ	<u>42.550.251.533</u>

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND (Chưa soát xét)
Số dư đầu kỳ	23.916.227.781	2.751.641.842
Tăng trong kỳ	8.414.403.790	4.771.935.871
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(30.775.624.350)	(4.120.408.534)
Số dư cuối kỳ	<u>1.555.007.221</u>	<u>3.403.169.179</u>

Các công trình chi phí xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Phí khảo sát địa chất và lắp đặt ban đầu cho nhà máy mới tại Khu Công nghiệp Tân Tạo – Thành phố Hồ Chí Minh	-	22.918.456.872
Các công trình khác	1.555.007.221	997.770.909
	<u>1.555.007.221</u>	<u>23.916.227.781</u>

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017, chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 22.918 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Công ty (Thuyết minh 19(b)).

Trong kỳ, chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương đương 477.157.915 VND (Kỳ sáu tháng kết thúc 30/6/2016: Không).

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2017				1/1/2017							
	Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND		
Đầu tư góp vốn vào:												
Công ty liên kết												
Công ty Cổ phần Dược Danapha – Nanosome (*)	Đà Nẵng, Việt Nam	882.000	49%	49%	8.820.000.000	(951.249.740)	(**)	882.000	49%	8.820.000.000	(951.249.740)	(**)
Đơn vị khác												
Công ty Cổ phần Dược – Thiết bị Y tế Đà Nẵng	Đà Nẵng, Việt Nam	630.000	7%	7%	6.800.000.000	-	(**)	630.000	7%	6.800.000.000	-	(**)
Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty cổ phần	Đà Nẵng, Việt Nam	-	-	-	-	-	-	100.000	0,04%	1.575.000.000	-	(**)
					15.620.000.000	(951.249.740)	(**)			17.195.000.000	(951.249.740)	(**)

(*) Công ty Cổ phần Dược Danapha – Nanosome được thành lập theo giấy Chứng nhận Đầu tư số 321032000092 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28 tháng 10 năm 2009. Hoạt động chính là sản xuất và kinh doanh các loại hóa, dược, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng; nghiên cứu và phát triển khoa học ứng dụng cho dược phẩm.

(**) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017			
	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí quảng cáo VND	Chi phí nâng cấp nhà xưởng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	16.116.260.160	-	-	16.116.260.160
Tăng trong kỳ	356.400.000	920.000.000	1.333.171.800	2.609.571.800
Phân bổ trong kỳ	(322.572.891)	(262.857.142)	(222.195.300)	(807.625.333)
Số dư cuối kỳ	16.150.087.269	657.142.858	1.110.976.500	17.918.206.627

15. Phải trả người bán – ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Quảng cáo và Sản xuất Bao bì An Đức	7.000.519.724	7.000.519.724	7.573.905.984	7.573.905.984
Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Hưng Thịnh	7.368.540.000	7.368.540.000	5.204.320.000	5.204.320.000
Công ty TNHH Aceto Pte	3.101.508.300	3.101.508.300	1.157.478.000	1.157.478.000
Các nhà cung cấp khác	12.870.003.902	12.870.003.902	18.461.534.882	18.461.534.882
	30.340.571.926	30.340.571.926	32.397.238.866	32.397.238.866

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã căn trừ/ đã nộp trong kỳ VND	30/6/2017 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	566.707.489	8.226.847.614	(5.566.707.489)	3.226.847.614
Thuế thu nhập cá nhân	515.828.502	2.500.492.898	(2.823.826.980)	192.494.420
Thuế giá trị gia tăng	-	9.146.058.093	(9.146.058.093)	-
	<u>1.082.535.991</u>	<u>19.873.398.605</u>	<u>(17.536.592.562)</u>	<u>3.419.342.034</u>

17. Chi phí phải trả

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Hoa hồng cho đại lý và nhà phân phối	8.903.757.517	11.186.354.134
Phí dịch vụ chuyên môn	320.000.000	204.436.546
Chi phí lãi vay	300.000.000	875.069.471
Chi phí tiếp thị	409.119.340	-
	<u>9.932.876.857</u>	<u>12.265.860.151</u>

18. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tạm ứng từ một cổ đông cho Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (*)	-	50.000.000.000
Cổ tức phải trả	15.303.760.000	18.806.565.000
Kinh phí công đoàn	109.068.640	98.009.600
Bảo hiểm xã hội	418.558.393	-
Phải trả khác	39.860.789	22.354.555
	<u>15.871.247.822</u>	<u>68.926.929.155</u>

(*) Khoản tạm ứng từ một cổ đông cho Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh liên quan đến việc sản xuất dược phẩm. Khoản tạm ứng này chịu chi phí được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh của Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh trong kỳ.

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Các khoản vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017		Biến động trong kỳ		30/6/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	151.214.338.298	151.214.338.298	149.589.554.676	(98.077.090.590)	202.726.802.384	202.726.802.384
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	6.620.000.000	6.620.000.000	1.010.000.000	(5.610.000.000)	2.020.000.000	2.020.000.000
	157.834.338.298	157.834.338.298	150.599.554.676	(103.687.090.590)	204.746.802.384	204.746.802.384

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	VND	5,3% - 7,3%	134.841.294.128	52.108.504.315
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	VND	5,3% - 7,3%	67.885.508.256	99.105.833.983
			202.726.802.384	151.214.338.298

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ 9.584 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: 11.554 triệu VND) (Thuyết minh 10).

(b) Vay dài hạn

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Vay dài hạn	17.881.255.010	32.908.272.131
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(2.020.000.000)	(6.620.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	15.861.255.010	26.288.272.131

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng (*)	VND	7,2%	2022	11.035.796.510	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng (**)	VND	7,4% - 9,3%	2022	5.197.757.500	32.908.272.131
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng (***)	VND	9,9%	2020	1.647.701.000	-
				17.881.255.010	32.908.272.131

(*) Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị hàng tồn kho của Công ty trị giá 128.893 triệu VND (Thuyết minh 9).

(**) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 30.776 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Thuyết minh 10) (1/1/2017: chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 22.918 triệu VND (Thuyết minh 12).

(***) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai từ dự án xây dựng Văn phòng Đà Nẵng của Công ty.

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho cán bộ, công nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
		(Chưa soát xét)
Số dư đầu kỳ	8.212.882.949	6.965.257.230
Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi	(6.051.000.137)	(6.410.975.246)
Số dư cuối kỳ	2.161.882.812	554.281.984

Công ty Cổ phần Dược Danapha

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Nguồn kinh phí và các quỹ khác VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	97.650.000.000	81.232.500.000	113.071.853.632	-	291.954.353.632	1.009.431.381	292.963.785.013
Phát hành cổ phiếu (i)	32.550.000.000	6.400.000.000	-	-	38.950.000.000	-	38.950.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	32.907.390.452	32.907.390.452	-	32.907.390.452
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	(337.416.168)	(337.416.168)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	130.200.000.000	87.632.500.000	113.071.853.632	32.907.390.452	363.811.744.084	672.015.213	364.483.759.297
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	97.650.000.000	81.232.500.000	78.070.684.040	-	256.953.184.040	665.152.307	257.618.336.347
Lợi nhuận thuần trong kỳ (chưa soát xét)	-	-	-	29.269.563.808	29.269.563.808	-	29.269.563.808
Sử dụng quỹ (chưa soát xét)	-	-	-	-	-	(438.555.208)	(438.555.208)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (chưa soát xét)	97.650.000.000	81.232.500.000	78.070.684.040	29.269.563.808	286.222.747.848	226.597.099	286.449.344.947

(i) Số phát sinh trong kỳ của thặng dư vốn cổ phần bao gồm:

	VND
Tổng thặng dư vốn cổ phần phát sinh từ chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành	6.510.000.000
Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu	(110.000.000)
	<u>6.400.000.000</u>

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	13.020.000	130.200.000.000	9.765.000	97.650.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.020.000	130.200.000.000	9.765.000	97.650.000.000
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.020.000	130.200.000.000	9.765.000	97.650.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Tại ngày báo cáo, chi tiết các cổ đông của Công ty như sau:

	30/6/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
Tổng Công ty Dược Việt Nam	3.888.166	29,86%	2.916.125	29,86%
Ông Nguyễn Quốc Thắng	3.563.426	27,37%	2.672.570	27,37%
Bà Nguyễn Thị Minh Phượng	791.666	6,08%	593.750	6,08%
Các cổ đông khác	4.776.742	36,69%	3.582.555	36,69%
	13.020.000	100,00%	9.765.000	100,00%

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc			
	30/6/2017		30/6/2016	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu kỳ	9.765.000	97.650.000.000	9.765.000	97.650.000.000
Phát hành cổ phiếu trong kỳ	3.255.000	32.550.000.000	-	-
Số dư cuối kỳ	13.020.000	130.200.000.000	9.765.000	97.650.000.000

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.399.343.300	1.176.209.405
Trong vòng hai đến năm năm	4.636.560.900	3.414.608.879
Sau năm năm	20.297.454.992	3.947.215.325
	26.333.359.192	8.538.033.609

(b) Ngoại tệ

	30/6/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	274.625	6.249.584.381	431.491	9.788.026.519

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	2.854.325.663	23.918.349.240
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	-	46.893.287.400
	2.854.325.663	70.811.636.640

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
	(Chưa soát xét)	
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	219.279.764.333	210.691.842.233
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(1.838.397.661)	(1.114.947.182)
Doanh thu thuần	217.441.366.672	209.576.895.051

26. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
	(Chưa soát xét)	
Giá vốn hàng bán bao gồm:		
▪ Thành phẩm đã bán	115.720.158.454	115.136.383.956
▪ Hàng hóa đã bán	94.102.111	82.854.939
	115.814.260.565	115.219.238.895

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
	(Chưa soát xét)	
Lãi tiền gửi ngân hàng	989.565.057	1.173.692.320
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	175.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	157.983.364	112.639.826
	1.322.548.421	1.286.332.146

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
	(Chưa soát xét)	
Chi phí lãi vay ngân hàng	5.120.579.544	3.168.267.058
Chi phí lãi vay từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.279.400.000	1.471.931.507
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	41.708.990	121.331.947
	6.441.688.534	4.761.530.512

29. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
	(Chưa soát xét)	
Chi phí nhân viên	10.086.325.301	9.161.912.014
Chi phí vật liệu	1.498.265.534	982.461.884
Công cụ và dụng cụ	2.765.500	3.949.091
Chi phí khấu hao	536.984.074	414.765.732
Phí bảo lãnh ngân hàng	341.604.971	353.575.028
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	2.242.263.571	2.149.013.311
Chi phí quảng cáo và tiếp thị	4.298.572.954	5.999.428.094
Phí hoa hồng	12.453.507.877	15.337.078.218
Chi phí khác	599.293.445	631.695.923
	32.059.583.227	35.033.879.295

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
	(Chưa soát xét)	
Chi phí nhân viên	12.383.201.335	11.257.022.752
Chi phí vật liệu	3.021.101.438	1.701.038.881
Công cụ và dụng cụ	56.065.900	22.664.547
Chi phí khấu hao	2.764.438.864	2.574.295.632
Phí ngân hàng	144.099.497	124.877.613
Dịch vụ mua ngoài	4.026.003.039	2.633.484.731
Chi phí khác	1.320.143.719	2.274.551.961
	23.715.053.792	20.587.936.117

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
	(Chưa soát xét)	
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	99.658.232.757	97.989.324.095
Chi phí nhân công và nhân viên	32.960.036.850	29.738.964.412
Chi phí khấu hao và phân bổ	7.977.069.654	9.023.864.220
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.121.870.813	12.544.702.678
Chi phí khác	17.871.687.510	21.567.635.220

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
	(Chưa soát xét)	
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Kỳ hiện hành	8.226.847.614	5.994.970.900

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
	(Chưa soát xét)	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	41.134.238.066	35.264.534.708
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	8.226.847.614	5.994.970.900
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.226.847.614	5.994.970.900

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng mức thuế suất thông thường. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, thuế suất thuế thu nhập của Công ty giảm từ 28% xuống 20% và xuống 17% trong năm 2016. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2017, thuế suất thuế thu nhập của Công ty bằng mức thuế suất thông thường là 20%.

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi trừ số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi là 28.711.698.169 VND (Kỳ sáu tháng kết thúc 30/6/2016: 25.537.694.422 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 12.115.833 (Kỳ sáu tháng kết thúc 30/6/2016: 9.765.000), chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND (Chưa soát xét)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	32.907.390.452	29.269.563.808
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi (i)	(4.195.692.283)	(3.731.869.386)
	28.711.698.169	25.537.694.422

(i) Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi được ước tính dựa trên tỷ lệ 12,75% lợi nhuận sau thuế trong kỳ và tỷ lệ phân bổ này được dựa trên kế hoạch dự kiến phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017 và tỷ lệ phân bổ thực tế trong kỳ kế toán năm gần nhất.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND (Chưa soát xét)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành vào đầu kỳ	9.765.000	9.765.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	2.350.833	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ	12.115.833	9.765.000

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
	(Chưa soát xét)	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.370	2.615

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ này, trong kỳ Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
	(Chưa soát xét)	
Tổng Công ty Dược Việt Nam – cổ đông lớn		
Chi phí phải trả cho Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh	1.279.400.000	1.471.931.507
Mua cổ phần	-	1.575.000.000
Bán cổ phần	11.664.504.000	-
Công ty Cổ phần Dược – Thiết bị Y tế Đà Nẵng		
Bán hàng hóa	3.565.349.613	2.947.788.767
Công ty Cổ phần Dược Danapha – Nanosome		
Bán hàng hóa	195.103.643	59.096.951
Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		
Lương và thù lao	1.509.861.837	1.103.238.092

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Các yếu tố mang tính thời vụ hay chu kỳ

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty không chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ hay chu kỳ ngoại trừ những khoản mục sau:

(a) Tiền thưởng cho nhân viên

Công ty tạm thời trích trước chi phí thưởng năm 2017 cho nhân viên dựa trên kế hoạch tài chính năm 2017 trong báo cáo tài chính giữa niên độ này. Tuy nhiên, khoản tiền thưởng này sẽ có thể thay đổi phụ thuộc vào lợi nhuận thực tế trước thuế của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

(b) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo các quy định hiện hành về thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và quyết toán tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm. Thuế thu nhập doanh nghiệp giữa niên độ được tính bằng cách áp dụng mức thuế suất 20% đối với lợi nhuận trước thuế cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

36. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Những ước tính kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các ước tính kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

37. Các khoản mục bất thường

Không có khoản mục bất thường trọng yếu nào trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

38. Các thay đổi trong cơ cấu Công ty

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Người lập:

Trương Thị Diệu Huyền
Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt:

Nguyễn Thị Vạn Thọ
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Trị
Tổng Giám đốc

